

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TẠI ĐÀ NẴNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024/HS-PT  
Ngày: 11-4-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Việt Cường

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Phạm Văn Hợp.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm M Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông Nguyễn Chiến  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11-4-2024, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 472/2023/TLPT-HS ngày 02-10-2023 đối với bị cáo **Nguyễn Quốc H** và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2023/HS-ST ngày 04-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Các bị cáo kháng cáo:**

**1. Nguyễn Quốc H** (tên gọi khác: T), sinh ngày 01-10-1997 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: N; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ mai táng; con ông Nguyễn Q và bà Lê Thị T; vợ là Lê Thị T, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25-5-2021; đến ngày 15-12-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Văn H**, sinh ngày 24-7-1986 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: N; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ mai táng; con ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị T; vợ là Lê Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25-5-2021; đến ngày 15-12-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**3. Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 30-7-1978 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ; con ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Phước Thị T; vợ là Mai Thị Ánh N và có 02

con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25-5-2021; đến ngày 27-8-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**4. Nhiều Khánh Phước H**, sinh ngày 06-5-1979 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H; con ông Nhiều Khánh Đ và bà Công Huyền Tôn Nữ P (đã chết); vợ là Trần Thị Hồng N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22-6-2021; đến ngày 27-01-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**5. Dương Nhật P**, sinh ngày 03-4-1983 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ Ban Quản lý dự án thành phố H; con ông Dương L và bà Trương Thị T H; vợ là Lê Thị Hồng V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22-6-2021; đến ngày 17-01-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**6. Đoàn Văn H**, sinh ngày 08-4-1964 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ địa chính UBND phường Phường Đ, thành phố H; con ông Đoàn Văn C, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1936; vợ là Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1965 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22-6-2021; đến ngày 06-12-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh (**bị chết trước khi xét xử phúc thẩm**).

**7. Phan Phước T**, sinh ngày 01-5-1964 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên là Chủ tịch UBND phường H; con ông Phan T, sinh năm 1935 và bà Dương Thị T, sinh năm 1936; vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11-11-2021; đến ngày 20-5-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**8. Nguyễn Ngọc Hải Đ**, sinh ngày 11-9-1997 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xã P T, huyện P Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ Đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố H; con ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28-02-2022; đến ngày 12-01-2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**9. Trương Văn Q**, sinh ngày 24-7-1984 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn

giáo: Phật giáo; giới tính: N; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trương T (đã chết) và bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1942; vợ là Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1988 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**10. Võ Hữu N**, sinh ngày 16-4-1960 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số 14/115 Trần Q Khoáng, tổ 4, khu vực 2, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: N; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Thợ đóng cốp pha; con ông Võ B và bà Trần Thị H (đều đã chết); vợ là Lê Thị T, sinh năm 1960 và có 01 con (đã chết); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07-4-2022; đến ngày 20-5-2022, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh, có mặt tại phiên tòa.

**11. Trương Văn M**, sinh ngày 01-4-1986 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: N; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Trương T, sinh năm 1955 và bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1955; vợ là Trần Thị Thùy A, sinh năm 1986 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**12. Trương Văn Đ**, sinh ngày 28-02-1976 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: N; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Trương T, sinh năm 1955 và bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1955; vợ là Huỳnh Thị H, sinh năm 1977 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**13. Trương Văn D**, sinh ngày 09-9-1988 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: N; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Trương T, sinh năm 1954 và bà Lê Thị S, sinh năm 1960; vợ là Lê Thị D, sinh năm 1990 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27-4-2008, Công an phường A, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính 150.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:*

*Người bào chữa:*

**1. Người bào chữa cho Nguyễn Ngọc Hải Đ:**

**1.1. Luật sư Lê Hồng S** - Công ty Luật hợp danh X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

**1.2. Luật sư Võ Ngọc M** - Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: tỉnh Quảng Trị, có mặt tại phiên tòa.

**1.3. Luật sư Trịnh Đức D** - Công ty luật TNHH M thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

**1.4. Luật sư Nguyễn Trường T** - Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: thành phố Cần Thơ, có mặt tại phiên tòa.

**2. Người bào chữa cho bị cáo Phan Phước T:**

Luật sư **Trần Nhật N** - Công ty Luật TNHH Nhật N và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

**3. Người bào chữa cho bị cáo Võ Hữu N:**

Luật sư **Nguyễn Văn K** - Công ty Luật K và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự:

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Anh T** - Giám đốc Trung tâm, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*(Vụ án còn có 58 bị cáo khác, nhưng không kháng cáo; có 32 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có 04 người làm chứng, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau (**Đối với các bị cáo kháng cáo**):*

Đầu năm 2019, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành các thủ tục để tạo quỹ đất xây dựng Khu dân cư Bắc H, thành phố H và giao cho UBND thành phố H (cụ thể là Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng khu vực thành phố H) là Chủ đầu tư Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư này.

Để thực hiện dự án, Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng khu vực thành phố H đã ký kết các hợp đồng kinh tế (03 hợp đồng) với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, nội dung là giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H có nhiệm vụ thu hồi, giải phóng mặt bằng liên quan đến Dự án khu dân cư Bắc H, phường H, sau khi có mặt bằng sạch thì giao lại cho chủ đầu tư. Trong phạm vi đất thuộc diện phải giải phóng mặt bằng thuộc phường H, thành phố H, ngoài đất thủy lợi, giao thông, đất chuyên trồng cây lúa nước... còn có một diện tích đất lớn đã được người dân sử dụng để chôn cất mộ mả, lăng mộ.

Để thực hiện việc di dời, giải tỏa số lăng mộ này, thì quy trình về công tác giải phóng mặt bằng và thanh toán tiền hỗ trợ, bồi thường đối với các chủ mộ được quy định cụ thể như sau:

- Khoanh vùng, cắm thẻ lên tất cả các mộ được di dời.
- Người dân tiến hành tự kê khai nguồn gốc lăng mộ, công trình kiến trúc, cây trồng của cá nhân, hộ gia đình và người thân.

- Các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, đo đếm tại thực địa để lập phương án và tính giá trị hỗ trợ, bồi thường sau này (Phương án bồi thường được niêm yết công khai).

- UBND thành phố H ban hành quyết định về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ về mồ mả cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án có mồ mả di dời. Sau đó, người dân đăng ký thời gian cất bốc, di dời mồ mả và được tạm ứng trước 30% tổng giá trị bồi thường.

- Các cá nhân, hộ gia đình tự cất bốc hoặc thuê người khác cất bốc, di dời lăng mộ (có sự xác nhận của các cán bộ, chuyên viên được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc di dời mồ mả của người dân).

- Sau khi cải táng, các cá nhân, hộ gia đình phải làm “Đơn xin xác nhận” tại địa phương có mồ mả được đưa đến chôn cất (an táng) mới được nhận 70% giá trị bồi thường còn lại (mẫu đơn này do cơ quan có chức năng quy định). Các trường hợp mua đất tại Nghĩa trang phía Bắc, phía N thành phố H thì không cần có “Đơn xin xác nhận”, do các Nghĩa trang quản lý và giám sát việc cải táng, chôn cất, số lượng mộ.

Mặc dù, quy trình về kê khai, cất bốc, cải táng lăng mộ thuộc diện phải di dời đã được quy định rất chặt chẽ; UBND thành phố H, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, Công an thành phố H (Đội Cảnh sát Kinh tế), UBND phường, Công an phường H, thành phố H đã tiến hành rất nhiều giải pháp để phát hiện, ngăn chặn hành vi người dân tự vun đắp kê khai mộ giả để kê khai không nhằm chiếm đoạt tiền hỗ trợ, bồi thường của Nhà nước. Tuy nhiên, quá trình cất bốc, di dời lăng mộ tại các Khu vực 3, 4, 6, 8 của Dự án phường H đã phát hiện có 55 trường hợp hộ dân có hành vi vun đắp, kê khai gian dối với số lượng 1.213 mộ giả (gồm các mộ gió được vun đắp từ trước nhằm giữ đất và mộ mới được vun đắp sau khi có chủ trương giải tỏa) chiếm đoạt tiền đền bù, hỗ trợ của Nhà nước trong việc di dời mồ mả với số tiền là **2.124.755.000 đồng**, cụ thể như sau:

### **I. Nhóm đối tượng liên quan đến Doanh nghiệp tư nhân H Đức N:**

Doanh nghiệp tư nhân H Đức N do ông Nguyễn Q làm Giám đốc, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ mai táng. Hai con trai của Nguyễn Q là Nguyễn Văn H và Nguyễn Quốc H cùng tham gia trong hoạt động của doanh nghiệp. Khi dự án giải phóng mặt bằng được tiến hành, Nguyễn Quốc H đã thông qua Nhiều Khánh Phước H xin được bản photocopy về thông tin các hộ dân, số điện thoại để Q, H và H liên hệ nhận hợp đồng cất bốc mộ. Khi người dân đồng ý ký hợp đồng với ai, thì người đó trực tiếp ký hợp đồng, chủ động thực hiện và hưởng toàn bộ lợi nhuận, không cùng làm hay chia phần cho các thành viên trong doanh nghiệp. Khi tiến hành hợp đồng cất bốc mồ mả Q, H và H đều được người dân nói rõ trong sổ mộ cất bốc có bao nhiêu mộ thật, mộ giả để đặt mua om, tiều với số lượng tương ứng.

Đối với các ngôi mộ giả: Q, H và H nhận cất bốc từ người dân với giá từ 800.000 đồng đến 950.000 đồng một mộ (giá Nhà nước bồi thường khi di dời một mộ thấp nhất là 1.750.000 đồng, tùy vào diện tích mộ). Để việc cất bốc, cải táng tiến hành thuận lợi, không bị phát hiện và loại bỏ; các bị cáo đã chủ động liên hệ với một số cán bộ, chuyên viên được giao nhiệm vụ kiểm kê, giám sát về việc cất bốc, di dời mộ tại thực địa (sau đây viết tắt là Tổ công tác) thống nhất đưa tiền cho nhóm cán bộ này để Tổ công tác không kiểm tra hoặc kiểm tra qua loa sau đó ký “Biên bản xác

nhận di dời mộ” đối với các ngôi mộ giả. Ngoài việc móc nối với một số cán bộ, chuyên viên Tổ công tác giám sát việc bốc mộ để ký xác nhận có hài cốt om, tiểu đối với các ngôi mộ giả Q, H và H còn thỏa thuận với một số người dân sau khi cất bốc mộ giả xong sẽ chủ động làm thủ tục “Xác nhận việc cải táng mộ” tại các địa phương rồi giao cho người dân để hoàn thiện hồ sơ nhận tiền đền bù. Thời điểm cất bốc, di dời những ngôi mộ giả này khi không có sự kiểm tra, giám sát của Tổ công tác, các bị cáo đã chỉ đạo những nhân công được thuê đào mộ là “Cứ đào xuống, nếu không có chi thì bốc đất bỏ vô”, sau đó phủ giấy đỏ, bỏ bên cạnh mộ vừa đào và báo cho Tổ công tác đến ký biên bản. Đối với các đơn xin xác nhận nơi có mộ cải táng, Q và H sau khi cất bốc mộ giả xong đều đưa “Đơn xác nhận” của các hộ gia đình cho H đi xin xác nhận có chôn cất tại các địa bàn như: Phường H, phường HH, xã HT... thuộc thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Để việc xác nhận được thực hiện trôi chảy, H đã đưa tiền bồi dưỡng hoặc “Nộp lệ phí” cho các Bí thư, Chủ tịch UBND các phường, xã này để được ký xác nhận là có mồ mả ở trong diện di dời đến chôn cất tại phường.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, kết quả khám nghiệm hiện trường, các tài liệu là chứng từ thanh toán có đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã có hành vi thông đồng với người dân và một số cán bộ, chuyên viên thuộc Tổ công tác chiếm đoạt tiền hỗ trợ, đền bù của Nhà nước, cụ thể như sau:

### **1. Nguyễn Văn H:**

Trong thời gian từ tháng 5-2020 đến tháng 8-2020, Nguyễn Văn H cùng với một số người dân lập hồ sơ kê khai, thanh toán tổng cộng 280 mộ giả, gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là 498.860.000 đồng (có phần chi tiết ở các hộ dân).

*Về thu lợi bất chính:* H nhận tiền từ người dân theo thỏa thuận của hợp đồng là 232.490.000 đồng (có phần chi tiết ở các hộ dân), đã chi:

- Chi theo thỏa thuận 50.000 đồng/mộ giả cho các thành viên Tổ công tác (tương ứng với số mộ mà các đối tượng trong tổ trực tiếp kiểm tra đã lập biên bản xác nhận), gồm: (1) Chi cho Nhiều Khánh Phước H: 280 mộ x 50.000 đồng = 14.000.000 đồng, (2) Chi cho Dương Nhật P: 241 mộ x 50.000 đồng = 12.050.000 đồng, (3) Chi cho Nguyễn Ngọc Hải Đ: 162 mộ x 50.000 đồng = 8.100.000 đồng và (4) Chi cho Nguyễn Anh Khoa: 118 mộ x 50.000đ = 5.900.000 đồng.

- Chi cho Nguyễn Quốc H để đi ký đơn xác nhận: (1) Tại xã HT 153 mộ x 50.000 đồng = 7.650.000 đồng và (2) Tại phường HH 120 mộ x 15.000 đồng = 1.800.000 đồng.

- Tổng chi 14.000.000 đồng + 12.050.000 đồng + 8.100.000 đồng + 5.900.000 đồng + 7.650.000 đồng + 1.800.000 đồng = 49.500.000 đồng.

T lợi bất chính: 232.490.000 đồng - 49.500.000 đồng = 182.990.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại 100.000.000 đồng.

### **2. Nguyễn Quốc H:**

Trong thời gian từ tháng 02-2020 đến tháng 12-2020, Nguyễn Quốc H cùng với một số người dân lập hồ sơ kê khai, thanh toán tổng cộng 468 mộ giả, chiếm đoạt của Nhà nước với tổng số tiền là 1.534.460.000 đồng (có phần chi tiết ở các hộ dân).

Ngoài hành vi móc nối cùng người dân làm giả hồ sơ đền bù chiếm đoạt tiền của Nhà nước như nêu trên, H còn trực tiếp cầm đơn đến xin xác nhận có chôn cất mộ mả tại các UBND phường HH, H, xã HT giúp cho H hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán 280 mộ giả, chiếm đoạt 496.860.000 đồng; giúp cho Q làm hồ sơ thanh toán 101 mộ giả, chiếm đoạt 176.750.000 đồng. Như vậy, H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là: 860.850.000 đồng + 496.860.000 đồng + 176.750.000 đồng = 1.534.460.000 đồng.

*Về thu lợi bất chính:* H nhận tiền từ người dân theo thỏa thuận của hợp đồng là 415.050.000 đồng (có phần chi tiết ở các hộ dân); nhận từ H để đi xác minh là: 7.650.000 đồng + 1.800.000 đồng = 9.450.000 đồng; nhận từ Q để đi xác minh là: 2.700.000 đồng + 705.000 đồng = 3.450.000 đồng. Tổng cộng thu là: 427.905.000 đồng.

- Chi theo thỏa thuận 50.000 đồng/01 mộ giả (tương ứng với số mộ mà các đối tượng trong tổ trực tiếp kiểm tra đã lập biên bản xác nhận), gồm: (1) Chi cho Nhiều Khánh Phước H: 468 mộ x 50.000 đồng = 23.400.000 đồng, (2) Chi cho Nguyễn Ngọc Hải Đ: 398 mộ x 50.000 đồng = 19.900.000 đồng, (3) Chi cho Nguyễn Anh Khoa: 70 mộ x 50.000 đồng = 3.500.000 đồng và (4) Chi cho Dương Nhật P 02 lần: Lần 1 là 10.000.000 đồng (KV3) và lần 2 (KV 4, 6, 8): 257 mộ x 50.000 đồng = 12.850.000 đồng.

- Chi khi đi ký xác nhận: (1) Tại xã HT 249 mộ x 50.000 đồng = 12.450.000 đồng và (2) Tại phường HH 9.000.000 đồng.

- Tổng chi 23.400.000 đồng + 19.900.00 đồng + 3.500.000 đồng + 12.850.000 đồng + 12.450.000 đồng + 9.000.000 đồng = 91.100.000 đồng.

T lợi bất chính: 427.905.000 đồng - 91.100.000 đồng = 336.805.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại 100.000.000 đồng.

## **II. Nhóm người dân trực tiếp kê khai, làm hồ sơ thanh toán mộ mả giả:**

Sau khi nhận được thông báo của cơ quan chức năng về việc mộ mả trong phạm vi dự án sẽ phải di dời và Nhà nước sẽ trả tiền đền bù hỗ trợ, nhiều người dân vì trục lợi đã có hành vi lén lút vun đắp, xây dựng nhiều mộ giả hoặc kê khai các mộ gió (mộ đắp lên nhằm mục đích giữ đất nhưng không chôn cất ai) đã được xây đắp lên từ trước là mộ có thật để chiếm đoạt tiền của Nhà nước. Để việc làm gian dối được thực hiện trơn trượt, các hộ dân này đã liên lạc với Nguyễn Q, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn H để nhờ các đối tượng này chủ động đưa tiền cho một số cán bộ, chuyên viên của Tổ công tác để không bị kiểm tra, loại bỏ các mộ giả (đã nêu ở phần Doanh nghiệp H Đức N). Ngoài ra, một số đối tượng còn thực hiện thủ đoạn kê khai số mộ của gia đình thành nhiều lần, giao cho vợ con, người thân đứng tên kê khai cùng một số lượng mộ để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng.

Một số đối tượng sau khi vun đắp, kê khai mộ giả nếu không liên hệ với Q, H và H thì nhờ người khác hoặc tự mình cất bốc, nhưng thời điểm cất bốc mộ giả các đối tượng này đều chủ động đưa tiền cho một số cán bộ, chuyên viên để Tổ công tác không kiểm tra hoặc kiểm tra qua loa. Sau đó, các đối tượng này lấy đất bỏ vào om, tiểu rồi phủ vải đỏ (như mộ thật) và thông báo cho Tổ công tác để tổ này ký biên bản xác nhận đã di dời mộ. Để hoàn chỉnh hồ sơ nhận tiền đền bù, các đối tượng này tự mình hoặc nhờ người khác cầm tờ “Đơn xin xác nhận” đến gặp các Lãnh đạo xã,

phường (Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư,...) xin xác nhận. Chi phí bỏ ra để xin xác nhận từ 15.000 đồng đến 50.000 đồng/mộ.

Căn cứ vào lời khai của các đối tượng, biên bản khám nghiệm hiện trường, các tài liệu, chứng từ thanh toán có đủ căn cứ xác định:

### **1. Trương Văn Q:**

Ngày 24-6-2020, Trương Văn Q thông đồng với Nguyễn Quốc H để H móc nối với các thành viên trong Tổ công tác (gồm H, P và Đ) để tiến hành cất bốc 20 mộ giả tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, H cầm “Đơn xin xác nhận” đi xác nhận tại UBND xã HT rồi mang tờ đơn này về cho Q hoàn chỉnh hồ sơ để chiếm đoạt của Nhà nước 40.330.000 đồng (tiền đền bù, hỗ trợ di dời lăng mộ). Ngoài hành vi trực tiếp làm mộ giả chiếm đoạt tiền của Nhà nước nêu trên, Q còn có hành vi 03 lần giúp sức cho các Huỳnh Thị Khế, Trương Văn Rô, Nguyễn Văn V làm giả 63 mộ giả, chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền là 112.710.000 đồng (sẽ nêu cụ thể ở phần các bị cáo này). Như vậy, Trương Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là: 40.330.000 đồng + 112.710.000 đồng = 153.040.000 đồng.

*Về thu lợi bất chính:* Số tiền chiếm đoạt được 153.040.000 đồng, Q chi trả cho Nguyễn Quốc H 74.700.000 đồng, Q hưởng lợi 78.340.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại đủ số tiền này.

### **2. Võ Hữu N:**

Sau khi kê khai gian dối số mộ của gia đình tại Khu vực 3 và Khu vực 8 của dự án (có 01 hồ sơ đứng tên chung cùng Võ Đăng). Ngày 18-12-2019 và ngày 26-12-2019, Võ Hữu N thông đồng với Nguyễn Quốc H để H móc nối với Tổ công tác (gồm H, H, Đ và P) rồi tiến hành cất bốc 26 mộ giả cho gia đình tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, H cầm “Đơn xin xác nhận” đi xác nhận tại UBND phường HH rồi mang tờ đơn này về đưa cho N để hoàn chỉnh hồ sơ chiếm đoạt tiền đền bù của Nhà nước 45.500.000 đồng.

Ngoài các lần đồng phạm nêu trên, ngày 01-4-2020, N tiếp tục thông đồng với các thành viên trong Tổ công tác (gồm H, H, P và Trung) tiến hành cất bốc 04 mộ giả cho gia đình tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, N cầm “Đơn xin xác nhận” đi xác nhận tại UBND xã HT rồi mang tờ đơn này về hoàn chỉnh hồ sơ chiếm đoạt của Nhà nước 7.000.000 đồng.

Như vậy, Võ Hữu N phải chịu trách nhiệm hình sự hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tổng số tiền là: 122.500.000 đồng + 45.500.000 đồng + 7.000.000 đồng = 175.000.000 đồng.

*Về thu lợi bất chính:* Võ Hữu N chiếm đoạt tổng cộng 52.500.000 đồng (03 lần kê khai với tổng số 44 mộ giả), chi trả cho Nguyễn Quốc H 23.400.000 đồng, hưởng lợi 29.100.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại đủ số tiền này.

### **3. Trương Văn M:**

Sau khi kê khai gian dối nguồn gốc lăng mộ, ngày 06-12-2019, Trương Văn M thông đồng với Nguyễn Quốc H để H móc nối với các thành viên trong Tổ công tác (gồm H, P, Đ và H) rồi tiến hành cất bốc 30 mộ giả tại Khu vực 3 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, H cầm “Đơn xin xác

nhận” đi xác nhận tại UBND phường HH rồi mang tờ đơn này về cho M hoàn chỉnh hồ sơ, chiếm đoạt của Nhà nước 52.500.000 đồng.

Ngày 06-12-2019, M tiếp tục thông đồng với Nguyễn Quốc H cùng các thành viên trong Tổ công tác (gồm H, P và Đ) tiến hành cất bốc 28 mộ giả tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, H cầm “Đơn xin xác nhận” đi xác nhận tại UBND phường HH rồi mang tờ đơn này về cho M hoàn chỉnh hồ sơ chiếm đoạt của Nhà nước 49.000.000 đồng. Như vậy, Trương Văn M phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, với 02 lần kê khai là: 52.500.000 đồng + 49.000.000 đồng = 101.500.000 đồng.

*Về thu lợi bất chính:* Số tiền chiếm đoạt được 101.500.000 đồng, M chi trả cho Nguyễn Quốc H 52.500.000 đồng, hưởng lợi 49.300.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại đủ số tiền này.

#### **4. Trương Văn Đ:**

Sau khi kê khai gian dối nguồn gốc lăng mộ, ngày 06-12-2019, Trương Văn Đ thông đồng với Nguyễn Q để Q móc nối với các thành viên trong Tổ công tác (gồm H, P, Đ và H) rồi tiến hành cất bốc 27 mộ giả tại Khu vực 3 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, Q cầm “Đơn xin xác nhận” đi xác nhận tại UBND phường HH rồi mang tờ đơn này về cho Đ hoàn chỉnh hồ sơ chiếm đoạt của Nhà nước 47.250.000 đồng.

Ngày 03-4-2020, Đ tiếp tục thông đồng với Nguyễn Q cùng các thành viên trong Tổ công tác (gồm H, P và Đ) tiến hành cất bốc 26 mộ giả tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, H cầm “Đơn xin xác nhận” đi xác nhận tại UBND xã HT rồi mang tờ đơn này về cho Đ hoàn chỉnh hồ sơ chiếm đoạt của Nhà nước 45.500.000 đồng. Như vậy, Trương Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là: 47.250.000 đồng + 45.500.000 đồng = 92.750.000 đồng.

*Về thu lợi bất chính:* Số tiền chiếm đoạt được 92.750.000 đồng, Đ chi trả cho Nguyễn Q số tiền 47.700.000 đồng, hưởng lợi là 45.050.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại đủ số tiền này.

#### **5. Trương Văn D:**

Sau khi kê khai gian dối nguồn gốc lăng mộ, ngày 10-4-2020, Trương Văn D thông đồng với Nguyễn Văn H để H móc nối với các thành viên trong Tổ công tác (gồm P, Đ và H) rồi tiến hành cất bốc 28 mộ giả tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H. Sau khi cất bốc xong mộ giả và được Tổ công tác xác nhận, H cầm “Đơn xin xác nhận” đi xác nhận tại UBND xã HT rồi mang tờ đơn này về cho D hoàn chỉnh hồ sơ chiếm đoạt của Nhà nước 49.000.000 đồng. Như vậy, Trương Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là: 49.000.000 đồng.

*Về thu lợi bất chính:* Số tiền chiếm đoạt được 49.000.000 đồng, D chi trả cho Nguyễn Văn H 25.200.000 đồng, hưởng lợi là 23.800.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại đủ số tiền này.

**III. Nhóm cán bộ, chuyên viên trực tiếp kiểm tra, giám sát việc cất bốc mộ tại hiện trường (Tổ công tác):**

Khi việc giải phóng mặt bằng tại các Khu vực 3, 4, 6, 8 thuộc Dự án Bắc phường H được tiến hành, do phát hiện trong khu vực cần giải tỏa có nhiều lăng mộ có dấu hiệu làm giả mộ để trục lợi, nên Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H ngoài việc thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất theo Quyết định số 64/QĐ-UB ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành thêm các giải pháp như quay flycam hiện trạng toàn bộ khu đất giải tỏa và khi người dân đến tiến hành bốc lăng mộ, thì Trung tâm sẽ kiểm tra, giám sát trực tiếp để xác nhận mộ đã cất bốc là mộ thật không. Nếu lăng mộ người dân cất bốc đào lên là thật, thì nhóm cán bộ này cùng chủ mộ lập “Biên bản xác nhận di dời mộ” để làm thủ tục thanh toán, nếu mộ đã kê khai đào lên không có thật, thì không được hỗ trợ, bồi thường. Do thời điểm tiến hành bốc mộ trong các khu vực này phụ thuộc vào việc đăng ký của người dân, nên Trung tâm tùy theo số lượng hộ đăng ký cất bốc từng ngày để cử cán bộ, chuyên viên của Trung tâm ra hiện trường giám sát một cách phù hợp. Ngoài ra, việc kiểm đếm, di dời lăng mộ tại hiện trường còn có sự phối hợp của Công an thành phố H (Đội Cảnh sát Kinh tế) và chính quyền địa phương (UBND phường, Công an phường H) cùng tham gia. Mặc dù, biết trình trạng rất nhiều người dân vun đắp mộ giả và kê khai gian dối để vụ lợi, nhưng nhóm cán bộ, chuyên viên của Tổ công tác do có câu kết, móc nối với các bị cáo thuộc doanh nghiệp H Đức N (đã nêu ở phần trên) hoặc ngay tại hiện trường người dân đưa tiền trực tiếp để Tổ công tác không kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện, loại bỏ mộ giả, dẫn đến Tổ công tác này và các chủ mộ đã lập biên bản xác nhận cho rất nhiều mộ giả là thật vào “Biên bản xác nhận di dời mộ”, gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là: 2.124.755.000 đồng.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người có liên quan, kết quả đối chất, nhận dạng đủ cơ sở xác định trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 8-2020, các đối tượng thuộc Tổ công tác đã ký xác nhận số lượng mộ giả tại Dự án Bắc phường H, cụ thể như sau:

### **1. Dương Nhật P:**

Dương Nhật P là cán bộ của Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng khu vực thành phố H, tham gia phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H với nhiệm vụ cùng Tổ công tác phát hiện loại bỏ mồ mả giả và giám sát, kiểm tra Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H giải phóng mặt bằng theo hợp đồng. P đã trực tiếp ký vào 70 biên bản “Xác nhận di dời mộ” tại các Khu vực 3, 4 và 8, trong đó có 1.213 mộ giả, gây thiệt hại cho Nhà nước 2.124.755.000 đồng.

### **2. Nhiều Khánh Phước H:**

Nhiều Khánh Phước H là Chuyên viên chính của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, phụ trách nhiệm vụ di dời mồ mả, đã trực tiếp ký vào 62 biên bản “Xác nhận di dời mộ” tại các Khu vực 3, 4, 6 và 8, trong đó có 1.092 mộ giả, gây thiệt hại cho Nhà nước 1.942.190.000 đồng.

### **3. Nguyễn Ngọc Hải Đ:**

Nguyễn Ngọc Hải Đ là Cán bộ Đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố H, được lãnh đạo Công an thành phố H phân công tham gia Tổ công tác để phát hiện đấu tranh với hành vi làm giả mộ để trục lợi, đã trực tiếp ký vào 421 biên bản “Xác nhận di dời mộ” tại Khu vực 3, trong đó có 945 mộ giả, gây thiệt hại cho Nhà nước 1.683.300.000 đồng.

#### **4. Đoàn Văn H:**

Đoàn Văn H là cán bộ do UBND thành phố H biệt phái, tăng cường đến Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H, đã trực tiếp ký vào 45 biên bản “Xác nhận di dời mộ” tại các Khu vực 3 và 8, trong đó có 755 mộ giả, gây thiệt hại cho Nhà nước 1.355.310.000 đồng.

##### *Về thu lợi bất chính:*

Theo thỏa thuận từ trước, các đối tượng thuộc nhóm Doanh nghiệp H Đức N là Nguyễn Q, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn H đã dựa trên tổng số mộ giả mà Nhiều Khánh Phước H, Dương Nhật P, Nguyễn Ngọc Hải Đ và Nguyễn Anh Khoa (là nhóm cán bộ chủ chốt thường xuyên có mặt và bắt buộc phải có chữ ký trong biên bản “Xác nhận di dời mộ” mới được coi là hợp pháp) đã ký để chi lại cho các đối tượng này 50.000 đồng/mộ giả. Căn cứ biên bản xác nhận di dời mộ có chứa mộ giả xác định:

- Nhiều Khánh Phước H: (1) Ký xác nhận để Nguyễn Văn H cất bốc 280 mộ giả, H đã chi cho H là:  $280 \times 50.000 \text{ đồng} = 14.000.000 \text{ đồng}$ , (2) Ký xác nhận để Nguyễn Q cất bốc 101 mộ giả, Q đã chi cho H là:  $101 \times 50.000 \text{ đồng} = 5.500.000 \text{ đồng}$  và (3) Ký xác nhận để Nguyễn Quốc H cất bốc 468 mộ giả, H đã chi cho H là:  $468 \times 50.000 \text{ đồng} = 23.400.000 \text{ đồng}$ .

- Đối với Nguyễn Ngọc Hải Đ: (1) Ký xác nhận để Nguyễn Văn H cất bốc 162 mộ giả, H đã chi cho Đ là:  $162 \times 50.000 \text{ đồng} = 8.100.000 \text{ đồng}$ , (2) Ký xác nhận để Nguyễn Q cất bốc 81 mộ giả, Q đã chi cho Đ là:  $81 \times 50.000 \text{ đồng} = 4.050.000 \text{ đồng}$  và (3) Ký xác nhận để Nguyễn Quốc H cất bốc 398 mộ giả, H đã chi cho Đ là:  $398 \times 50.000 \text{ đồng} = 19.900.000 \text{ đồng}$ .

- Đối với Dương Nhật P: Nhận tiền chi lại từ Nguyễn Quốc H 02 lần (Lần thứ nhất 10.000.000 đồng, lần thứ hai 12.850.000 đồng).

##### *Đối với số tiền trực tiếp nhận từ người dân:*

Mặc dù, rất nhiều đối tượng thuộc nhóm trực tiếp làm giả mộ khai báo khi tiến hành bốc mộ giả có đưa tiền cho cán bộ, chuyên viên Tổ công tác, nhưng không xác định được đã đưa tiền cho ai, đưa như thế nào?, nên các thành viên Tổ công tác đã không thừa nhận. Căn cứ lời khai nhận của các đối tượng và kết quả đối chất, nhận dạng chỉ xác định được: Trong thời gian tiến hành giám sát tại thực địa (việc cất bốc mồ mả) có 11 đối tượng, hộ dân (là các bị cáo trong vụ án) đã đưa tiền 13 lần để Tổ công tác không kiểm tra, loại bỏ số mộ giả mà các hộ này đã kê khai không với số tiền là 110.000.000 đồng (đã nêu cụ thể ở phần người dân). Mặc dù, không có sự bàn bạc từ trước, nhưng các thành viên trong Tổ công tác sau khi nhận tiền đều thông báo cho các thành viên khác biết và cuối buổi, cuối ngày chia đều số tiền này cho những người tham gia trong buổi, trong ngày đó, cụ thể: (1) Nhiều Khánh Phước H được 26.625.000 đồng - 13 lần, (2) Đoàn Văn H được 24.250.000 đồng - 11 lần, (3) Dương Nhật P được 25.875.000 đồng - 12 lần, (4) Nguyễn Ngọc Hải Đ được 19.250.000 đồng - 10 lần.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng thuộc nhóm Lợi dụng chức vụ quyền hạn thu lợi bất chính như sau:

- Nhiều Khánh Phước H: 14.000.000 đồng (H) + 5.500.000 đồng (Q) + 23.400.000 đồng (H) + 26.625.000 đồng (được chia) - 6.000.000 đồng (Chi cho Thịnh) = 63.525.000 đồng (Đã nộp 69.825.000 đồng).

- Nguyễn Ngọc Hải Đ: 8.100.000 đồng (H) + 4.050.000 đồng (Q) + 19.900.000 đồng (H) + 19.250.000 đồng (Được chia) = 51.300.000 đồng (Chưa khắc phục).

- Dương Nhật P: 10.000.000 đồng (H) + 12.000.000 đồng (H) + 25.875.000 đồng (Được chia) = 47.875.000 đồng (Đã nộp 91.000.000 đồng).

- Đoàn Văn H được chia 24.500.000 đồng (Đã nộp đủ số tiền này).

#### **IV. Nhóm cán bộ, lãnh đạo phường xã:**

Theo trình tự, thủ tục về chi trả tiền hỗ trợ, bồi thường di dời mộ, các chủ mộ sau khi cải táng mộ phải xin xác nhận của chính quyền địa phương tại nơi đã cải táng (theo mẫu của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H phát hành), sau đó mang về nộp để hoàn chỉnh hồ sơ và nhận 70% tiền hỗ trợ, bồi thường còn lại.

Trong quá trình di dời lăng, mộ để xây dựng Khu tái định cư Bắc H, nhiều hộ gia đình, cá nhân sau khi bốc mộ đã không đưa về cải táng tại Nghĩa trang phía Bắc và phía N thành phố theo quy hoạch, mà đưa về chôn cất tại Nghĩa trang gia đình hoặc các khu đất mà họ lựa chọn ở các phường, xã thuộc địa bàn thành phố H, thị xã Hương T, thị xã Hương X. Mặc dù, số lượng mộ xin cải táng trên địa bàn mình quản lý rất nhiều, nhưng một số Chủ tịch UBND các phường, xã không tiến hành công tác quản lý như: Lập danh sách hộ dân xin di dời mộ đến địa bàn để cải táng, số lượng mộ, địa điểm cải táng và kiểm tra thực tế việc cải táng có thật không? mà vẫn ký xác nhận. Lợi dụng trình trạng quản lý lỏng lẻo đó, các bị cáo làm giả mộ mả đã thông qua một số đối tượng trung gian hoặc trực tiếp cầm đơn xác nhận đến UBND các phường H, HH, thị xã Hương T rồi đưa tiền cho Chủ tịch UBND các phường này để được ký xác nhận. Đặc biệt là tại xã HT, thị xã Hương T, Chủ tịch UBND xã mặc dù biết rõ không có ngôi mộ nào được di dời đến cải táng trên địa bàn, nhưng vẫn ký hàng trăm đơn xác nhận gây thất thoát đặc biệt lớn đến ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào lời khai các bị cáo, các giấy xác nhận cải táng và kết quả khám nghiệm hiện trường, đối chất có đủ căn cứ xác định hành vi phạm tội của nhóm cán bộ phường, xã trong vụ án, cụ thể như sau:

##### **1. Nguyễn Văn Q:**

Trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9-2020, Nguyễn Văn Q lúc này đang là Chủ tịch UBND xã HT, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mặc dù, biết rõ trên địa bàn do mình quản lý không có ngôi mộ nào được đưa đến cải táng, nhưng khi được Nguyễn Quốc H, Nguyễn Đ X và một số người dân đến gặp đặt vấn đề xin ký Giấy xác nhận di dời mộ, Q đã đồng ý và thỏa thuận thu tiền mỗi mộ là 50.000 đồng. Tổng cộng, Q đã ký 117 đơn xác nhận với số lượng 2.499 ngôi mộ, thu được 117.500.000 đồng (có Phiếu thu), trong đó đã xác định được 567 mộ giả, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 1.034.100.000 đồng.

Ngoài ra, một số đối tượng trực tiếp đưa tiền riêng cho Q, nhưng không có phiếu thu gồm: Mai C 1.500.000 đồng; Mai Văn T 500.000 đồng; Mai Văn L 1.500.000 đồng; Hồ Văn Đ 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra, Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời nộp lại tiền thu lợi bất chính là: 5.000.000 đồng. Tổng cộng tiền thu lợi bất

chính là: 117.500.000 đồng + 5.000.000 đồng = 122.500.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp lại đủ số tiền này.

## **2. Phan Phước T:**

Trong khoảng thời gian từ tháng 6-2019 đến tháng 8-2020, Phan Phước T đang là Chủ tịch UBND phường H, thị xã Hương T đã trực tiếp nhận và ký 173 đơn xác nhận với số lượng là 3.631 mộ đã cải táng tại phường H. Mặc dù, biết rõ số lượng mộ trong đơn không đúng thực tế với số mộ đã cải táng (đối với những gia đình có đưa mộ về chôn cất tại phường H) và một số trường hợp cải táng tại địa bàn, nhưng để nhận tiền bồi dưỡng của người dân, T đã không chỉ đạo lập danh sách cá nhân, số lượng mộ xin được chôn cất, không tổ chức kiểm tra tại các địa điểm cải táng và cho cải táng trái với quy hoạch của địa phương để thu lợi bất chính. Kết quả điều tra xác định trong số mộ mà T xác nhận đã cải táng có 177 mộ giả, gây thiệt hại cho Nhà nước 309.750.000 đồng. Quá trình điều tra, T tự giác khai đã nhận số tiền thu lợi bất chính là 45.000.000 đồng do thu khi ký xác nhận mộ giả là 50.000 đồng/mộ và của người dân đưa cho, nhưng do thời gian đã lâu, T và các đối tượng này đều không nhớ đưa, nhận của ai, vào thời gian nào? nên chỉ có căn cứ xác định tiền thu lợi bất chính của T theo khai nhận tại Cơ quan Cảnh sát điều tra là 7.500.000 đồng. T trực tiếp nhận tiền của Lê Mậu V 2.000.000 đồng, Lê Mậu T 2.000.000 đồng, Võ L 500.000 đồng. Tổng cộng 12.000.000 đồng. Quá trình điều tra đã nộp đủ số tiền này.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2023/HS-ST ngày 04-8-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:***

*Đối với nhóm tội xâm phạm sở hữu:*

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Quốc H 08 (tám)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-5-2021 đến ngày 15-12-2021).

2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn H 03 (ba)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-5-2021 đến ngày 15-12-2021).

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn Q 01 (một)** năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Võ Hữu N 01 (một)** năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07-4-2022 đến ngày 20-5-2022).

5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn M 01 (một)** năm 03 (**ba**) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

6. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn Đ 01 (một)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn D 08 (tám)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

*Đối với nhóm tội về Chức vụ:*

8. Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Ngọc Hải Đ 10 (mười)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28-02-2022 đến ngày 12-01-2023).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai, quản lý kinh tế trong thời hạn 01 (**một**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

9. Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nhiều Khánh Phước H 06 (sáu)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-6-2021 đến ngày 27-01-2022).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trong thời hạn 02 (**hai**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

10. Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn Q 05 (năm)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-5-2021 đến ngày 27-8-2021).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

11. Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Dương Nhật P 05 (năm)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-6-2021 đến ngày 17-01-2022).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trong thời hạn 02 (**hai**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

12. Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Đoàn Văn H 05 (năm)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi

hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-6-2021 đến ngày 06-12-2021).

**13.** Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Phan Phước T 05 (năm)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 20-5-2022).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 01 (**một**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với 58 bị cáo còn lại, quyết định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, quyết định biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Kháng cáo (13 bị cáo):***

- Ngày 07-8-2023, Võ Hữu N kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 10-8-2023, Dương Nhật P kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 10-8-2023, Trương Văn Đ kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 11-8-2023, Phan Phước T kháng cáo kêu oan.

- Ngày 11-8-2023, Trương Văn Q và Trương Văn M kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 11-8-2023, Trương Văn D kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 13-8-2023, Nguyễn Quốc H kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 15-8-2023, Nhiêu Khánh Phước H kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 15-8-2023, Nguyễn Văn H kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 16-8-2023, Nguyễn Văn Q và Đoàn Văn H kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 16-8-2023 và ngày 22-9-2023, Nguyễn Ngọc Hải Đ kháng cáo kêu oan.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, 13 bị cáo gồm: Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Q, Nhiêu Phước Khánh H, Dương Nhật P, Đoàn Văn H, Phan Phước T, Nguyễn Ngọc Hải Đ, Trương Văn Q, Võ Hữu N, Trương Văn M, Trương Văn Đ và Trương Văn D kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Đoàn Văn H bị chết (Trích lục khai tử số 324/TLKT-BS ngày 02-10-2023). Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 359 của Bộ luật

tổ tụng Hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đoàn Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, các điểm c, e khoản 1 Điều 357 và khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H, Nhiều Khánh Phước H và Võ Hữu N.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Dương Nhật P, Phan Phước T, Nguyễn Ngọc Hải Đ, Trương Văn Q, Trương Văn M, Trương Văn Đ và Trương Văn D.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2023/HS-ST ngày 04-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo hướng: Giảm hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nhiều Khánh Phước H và Võ Hữu N; giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo Nguyễn Văn H được hưởng án treo.

- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với Đoàn Văn H.

Các bị cáo, các Luật sư bào chữa cho Nguyễn Ngọc Hải Đ, Phan Phước T và Võ Hữu N tranh luận công khai; nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh (Đối với các bị cáo kháng cáo):

[2.1.1]. Đối với hành vi kê khai, làm hồ sơ thanh toán mồ mả giả:

- Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn H:

Sau khi nhận được thông báo của cơ quan chức năng về việc mồ mả trong phạm vi Dự án Bắc H, thành phố H sẽ phải di dời và được Nhà nước trả tiền đền bù hỗ trợ, thì trong năm 2019 và năm 2020, Nguyễn Quốc H (Doanh nghiệp H Đức N) đã câu kết với một số người dân lập hồ sơ kê khai, thanh toán 468 mộ giả, chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền là 1.534.460.000 đồng. Cũng với hành vi như trên, Nguyễn Văn H đã lập hồ sơ kê khai thanh toán 280 mộ giả, chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền là 498.860.000 đồng.

- Võ Hữu N:

Hành vi kê khai mộ dòng họ Võ: Ngày 24-12-2019, Võ Hữu N và Võ Văn Lô thay mặt cho dòng họ cất bốc 39 mộ giả tại Khu vực 3 của Dự án Bắc H, chiếm đoạt của Nhà nước 70.000.000 đồng; ngày 25-8-2020, Võ Hữu N và Võ Văn Lô cất bốc 30 mộ giả tại Khu vực 8 của dự án, chiếm đoạt của Nhà nước 52.500.000 đồng.

Hành vi kê khai mộ gia đình: Trong các ngày 18-12-2019, 26-12-2019 và ngày 01-4-2020, Võ Hữu N thông đồng với Nguyễn Quốc H rồi tiến hành cất bốc 30 mộ giả cho gia đình tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H, chiếm đoạt của Nhà nước 52.500.000 đồng.

Như vậy, Võ Hữu N phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền chiếm đoạt là: 70.000.000 đồng + 52.500.000 đồng + 52.500.000 đồng = 175.000.000 đồng.

- Trương Văn Q:

Thông đồng với Nguyễn Quốc H tiến hành cất bốc 20 mộ giả tại Dự án Bắc H, chiếm đoạt của Nhà nước 40.330.000 đồng. Ngoài ra, Q còn 03 lần giúp sức cho Huỳnh Thị Khế, Trương Văn Rô và Nguyễn Văn V làm giả 63 mộ giả, chiếm đoạt của Nhà nước 112.710.000 đồng. Như vậy, Trương Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là: 40.330.000 đồng + 112.710.000 đồng = 153.040.000 đồng.

- Trương Văn M:

Ngày 06-12-2019, thông đồng với Nguyễn Quốc H cất bốc 30 mộ giả tại Khu vực 3 và 28 mộ giả tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H, chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền là 101.500.000 đồng.

- Trương Văn Đ:

Ngày 06-12-2019 và ngày 03-4-2020 thông đồng với Nguyễn Q cất bốc 27 mộ giả tại Khu vực 3 và 26 mộ giả tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H, chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền là 92.750.000 đồng.

- Trương Văn D:

Ngày 10-4-2020, thông đồng với Nguyễn Văn H để cất bốc 28 mộ giả tại Khu vực 8 của Dự án Bắc H, chiếm đoạt của Nhà nước tổng số tiền là 49.000.000 đồng.

Với hành vi phạm tội và số tiền chiếm đoạt như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án Nguyễn Quốc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, kết án Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; kết án Trương Văn Q, Trương Văn M, Võ Hữu N và Trương Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và kết án Trương Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1.2]. Đối với hành vi kiểm tra, giám sát việc cất bốc mộ của Tổ công tác:

- Nguyễn Ngọc Hải Đ:

Là Cán bộ đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo cho rằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ không nhận tiền của Nguyễn Q, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H, không nhận tiền chia từ Tổ công tác. Tuy nhiên, các bị cáo trong Tổ công tác gồm Nhiều Khánh Phước H, Đoàn Văn H, Nguyễn Q Trung, Đỗ Kỳ Tài, Đặng M Tuấn, Dương Nhật P và Nguyễn Anh Khoa đều thừa nhận có nhận tiền từ người dân rồi chia nhau cuối buổi làm việc, trong đó có chia cho Nguyễn Ngọc Hải Đ để Đ không kiểm tra và ký vào biên bản xác nhận di dời mộ, tạo điều kiện cho người dân cất bốc mộ giả.

Xét thấy, các bị cáo trong Tổ công tác và Nguyễn Ngọc Hải Đ cũng là thành viên trong Tổ công tác không có mâu thuẫn gì với nhau, cùng nhau làm việc trong một thời gian dài, nên lời khai của các bị cáo này là có cơ sở để chấp nhận. Ngoài ra, các bị cáo Nguyễn Q, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H đều khẳng định trước khi cất bốc mộ, các bị cáo đã liên hệ trực tiếp với Nguyễn Ngọc Hải Đ, Nhiều Khánh Phước H, Dương Nhật P và Nguyễn Anh Khoa để đặt vấn đề riêng với từng người là chi từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/mộ, kể cả mộ thật, mộ giả và thực tế các bị cáo đã chi tiền cho Tổ công tác.

Như vậy, căn cứ lời khai thừa nhận của các bị cáo khác trong vụ án; căn cứ các

chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận: Trước khi di dời mộ, kể cả mộ thật, mộ giả thì người dân hoặc trực tiếp hoặc thông qua Nguyễn Q, Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H chi tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/mộ cho thành viên của Tổ công tác, trong đó có Nguyễn Ngọc Hải Đ.

- Phan Phước T:

Là Chủ tịch UBND phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị cáo cho rằng bị kết án oan. Tuy nhiên, các bị cáo Lê Mậu Q, Lê Mậu Trang, Nguyễn Văn Tia và Hồ Văn Được đều khẳng định có đưa tiền cho Phan Phước T để được ký vào “Đơn xin xác nhận”. Ngoài ra, quá trình điều tra, Phan Phước T thừa nhận đã không xác minh thực tế số mộ, biết việc xác nhận là không đúng quy định, nhưng vẫn ký và đã ký xác nhận cho hơn 100 “Đơn xác nhận” cho 3.000 ngôi mộ, trong đó 2.000 mộ thật; đồng thời, bị cáo thừa nhận có nhận tiền, mỗi lần nhận từ 200.000 đồng đến 1.500.000 đồng, tùy số lượng mộ và đã nhận tổng cộng là 7.500.000 đồng. Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cho rằng lời khai của mình trong quá trình điều tra bị ép cung là không có căn cứ.

- Nhiều Phước Khánh H, Dương Nhật P và Nguyễn Văn Q:

Mặc dù, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không ban hành quyết định thành lập, nhưng thực tế các thành viên này đã được người có thẩm quyền phân công và đã thực hiện nhiệm vụ trong thời gian dài, có báo cáo kết quả với cơ quan chủ quản, công việc của các thành viên trong Tổ công tác là giám sát việc cất bốc mộ. Như vậy, các thành viên trong Tổ công tác này là đang thi hành công vụ.

Nhiệm vụ cụ thể của Tổ công tác và các cán bộ xã, phường là khi người dân đăng ký cất bốc, di dời mồ mả, thì được tạm ứng trước 30%. Lúc này, Tổ công tác chưa kiểm tra để xác định mộ giả hay mộ thật. Trong trường hợp có mộ giả, thì Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố H không thanh toán và số tiền tạm ứng này sẽ được trừ lại trong số mộ thật người dân di dời. Do đó, khi Tổ công tác không kiểm tra cất bốc mộ và các cán bộ xã, phường xác nhận cải táng để người dân nhận 70% số tiền còn lại, đã làm cho Nhà nước bị thiệt hại toàn bộ số tiền bồi thường.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để kết luận: Trong các năm 2019 và năm 2020, lợi dụng chủ trương, chính sách của Nhà nước liên quan đến việc di dời, giải phóng mặt bằng tại các Khu vực 3, 4, 6, 8 phía Bắc phường H, thành phố H, các bị cáo Nguyễn Q, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn H (thuộc Doanh nghiệp H Đức N) đã móc nối, thông đồng với các hộ dân (là các bị cáo trong vụ án) có mồ mả ở trong diện phải di dời và câu kết với một số cán bộ, chuyên viên trong Tổ công tác được phân công nhiệm vụ giám sát, kiểm tra việc cất bốc mồ mả trong phạm vi của dự án gồm: Nhiều Phước Khánh H, Đoàn Văn H, Nguyễn Ngọc Hải Đ, Dương Nhật P... (là cán bộ thuộc Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng thành phố H, Trung tâm Phát triển quy đất thành phố H và Đội cảnh sát Kinh tế Công an thành phố H) để nhóm cán bộ, chuyên viên này không kiểm tra, loại bỏ các mộ giả trong khi di dời mồ mả, tạo điều kiện cho các hộ dân này kê khai số lượng lớn mộ giả để cùng nhau chiếm đoạt tiền hỗ trợ, bồi thường của Nhà nước.

Sau khi tiến hành cất bốc trót lọt các mộ giả, các bị cáo Nguyễn Q, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và các bị cáo là các chủ mộ tiếp tục có hành vi móc nối trực

tiếp hoặc gián tiếp với các bị cáo là nhóm cán bộ có chức vụ, quyền hạn của các UBND cấp phường, xã gồm: Nguyễn Văn Q, Phan Phước T... và đưa tiền cho các cán bộ này để được xác nhận vào tờ đơn “Đơn xin xác nhận”, với nội dung mô tả di dời và được đưa đến chôn cất tại các địa phương, nhưng thực tế không có mộ được đưa đến chôn cất, an táng. Sau đó, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để chiếm đoạt tiền hỗ trợ, bồi thường của Nhà nước, cụ thể: (1) Dương Nhật P ký xác nhận 1.213 mộ giả, gây thiệt hại 2.124.755.000 đồng, (2) Nhiêu Khánh Phước H ký xác nhận 1.092 mộ giả, gây thiệt hại 1.942.190.000 đồng, (3) Nguyễn Ngọc Hải Đ ký xác nhận 945 mộ giả, gây thiệt hại 1.683.300.000 đồng...

Ngoài ra, lợi dụng tình trạng quản lý lỏng lẻo của UBND các phường H, HH, thị xã Hương T, các bị cáo kê khai giả mạo đã thông qua một số đối tượng trung gian hoặc trực tiếp cầm đơn xác nhận đến rồi đưa tiền cho Lãnh đạo các phường này là Nguyễn Văn Q, Phan Phước T... để được ký xác nhận. Mặc dù, các bị cáo này biết có rất nhiều ngôi mộ không được di dời đến cải táng trên địa bàn do mình quản lý, nhưng vẫn ký hàng trăm “Đơn xác nhận” để các bị cáo kê khai mộ giả rồi làm thủ tục thanh toán, chiếm đoạt tiền bồi thường của Nhà nước, cụ thể: (4) Nguyễn Văn Q nhận tiền để ký xác nhận 567 mộ giả, gây thiệt hại 1.034.100.000 đồng, (5) Phan Phước T nhận tiền để ký xác nhận 177 mộ giả, gây thiệt hại 309.750.000 đồng.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án các bị cáo Nguyễn Ngọc Hải Đ, Nhiêu Khánh Phước H, Dương Nhật P và Nguyễn Văn Q về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 của Bộ luật Hình sự; kết án bị cáo Phan Phước T về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan.

#### [2.2]. Về hình phạt:

Các bị cáo trong vụ án này đều có đủ năng lực hành vi dân sự, nhiều bị cáo có trình độ học vấn cao; các bị cáo đều nhận thức được hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của Nhà nước hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để làm trái công vụ, gây thiệt hại cho Nhà nước là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước; xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm ảnh hưởng lớn đến niềm tin của nhân dân vào các cơ quan Nhà nước và gây dư luận xấu trong xã hội. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo phạm tội; phạm tội với hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp, nhưng không có sự câu kết, bàn bạc chặt chẽ với nhau, nên không thuộc trường hợp “Phạm tội có tổ chức”. Tuy nhiên, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đánh giá hành vi, xem xét vai trò và tính chất nguy hiểm của tội phạm để có mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

##### [2.2.1]. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

- Đối với Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H, Võ Hữu N và Trương Văn D:

Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn H là người trực tiếp móc nối với các bị cáo khác để thực hiện tội phạm, nhiều lần giúp sức cho các bị cáo khác làm giả hồ sơ di dời mồ mả để chiếm đoạt tiền của Nhà nước; Võ Hữu N cất bốc 99 ngôi mộ giả, chiếm đoạt của Nhà nước 175.000.000 đồng; còn Trương Văn D cất bốc 28 mộ giả, chiếm đoạt của Nhà nước 49.000.000 đồng, do đó cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan tiến hành tố tụng để điều tra phát hiện tội phạm; tự nguyện nộp tiền đã chiếm đoạt; ngoài ra, quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn H đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; cung cấp thêm tài liệu thể hiện được Giám đốc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế tặng Giấy khen, vì có thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; cả hai bị cáo là lao động chính trong gia đình; Võ Hữu N cung cấp thêm tài liệu thể hiện bị cáo có nhiều đóng góp cho công tác xã hội, hiện đang thờ cúng liệt sĩ, bị cáo là người cao tuổi; còn Trương Văn D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền chiếm đoạt không lớn, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Trương Văn Q, Trương Văn M và Trương Văn Đ:

Mặc dù, các bị cáo biết rõ các cơ quan có thẩm quyền đã đưa ra nhiều giải pháp để kiểm tra, kiểm soát hoạt động kê khai, cất bốc gian dối mộ giả từ các hộ dân để tránh thiệt hại về tài sản của Nhà nước, nhưng vẫn thống nhất ý chí với Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H và một số bị cáo là thành viên Tổ công tác giám sát mộ giả để thực hiện một chuỗi các hành vi gian dối từ kê khai, cất bốc, xác nhận việc an táng mộ giả để chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, theo đó Trương Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là 153.040.000 đồng, Trương Văn M phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là 101.500.000 đồng và Trương Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền là 92.750.000 đồng. Tuy nhiên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp tiền đã chiếm đoạt; nhân thân mới lần đầu phạm tội; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo dưới mức mức thấp nhất của khung hình phạt là thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần; do đó, để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[2.2.2]. Đối với tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”:

- Đối với Nguyễn Văn Q:

Nguyễn Văn Q là lãnh đạo, quản lý chính quyền cấp xã; bị cáo biết rõ các hộ dân có “Đơn xin xác nhận” mồ mả di dời đã an táng tại địa phương do mình quản lý nhiều hơn số lượng thực tế, nhưng vì vụ lợi, bị cáo vẫn ký xác nhận cho các hộ dân, tạo điều kiện cho họ hoàn tất thủ tục chiếm đoạt tiền bồi thường của Nhà nước, do đó

bị xử phạt 05 (năm) năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần, số tiền gây thiệt hại tương đối lớn. Vì vậy, để cải tạo, giáo dục bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Đối với Nhiều Khánh Phước H và Dương Nhật P:

Nhiều Khánh Phước H và Dương Nhật P được phân công chịu trách nhiệm chính đối với công tác giải phóng mặt bằng của dự án; là đầu mối mà Nguyễn Quốc H và Nguyễn Văn H gặp để thỏa thuận việc chi tiền bồi dưỡng để không bị loại mộ giả. H đã cung cấp danh sách các hộ dân có mồ mả phải di dời để H có điều kiện móc nối với họ thực hiện các hành vi sai phạm; còn P khi phát hiện sự việc đã không can ngăn mà chủ động hỏi H để được chi tiền bồi dưỡng rồi tham gia ký xác nhận nhiều mộ giả, do đó các bị cáo bị xử phạt 05 và 06 năm tù. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả; quá trình công tác có nhiều thành tích, được tặng thưởng nhiều Giấy khen; gia đình các bị cáo có công cách mạng, được Nhà nước tặng Huân chương, Huy chương. Vì vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Nguyễn Ngọc Hải Đ và Phan Văn T:

Mặc dù, các bị cáo kháng cáo cho rằng bị kết án oan, nhưng căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo (như phân tích tại phần tội danh). Tuy nhiên, để bảo đảm lẽ công bằng trong cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng xem xét, giảm hình phạt cho các bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo bị kết án về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” đều bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai, quản lý kinh tế hoặc quản lý hành chính Nhà nước. Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt bổ sung mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí:

Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trương Văn Q, Trương Văn M và Trương Văn Đ.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Ngọc Hải Đ và Phan Phước T.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H, Nhiều Khánh Phước H, Dương Nhật P, Võ Hữu N và Trương Văn D.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2023/HS-ST ngày 04-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H, Nhiều Khánh Phước H, Phan Phước T, Nguyễn Ngọc Hải Đ, Dương Nhật P, Võ Hữu N và Trương Văn D.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- **Đối với nhóm tội Xâm phạm sở hữu:**

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Quốc H 06 (sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-5-2021 đến ngày 15-12-2021).

2.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-5-2021 đến ngày 15-12-2021).

2.3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Võ Hữu N 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07-4-2022 đến ngày 20-5-2022).

2.6. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn Đ 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.7. Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Trương Văn D** 08 (**tám**) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (**mười sáu**) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo **Trương Văn D** cho UBND phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**- Đối với nhóm tội về Chức vụ:**

**2.8.** Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Ngọc Hải Đ** 08 (**tám**) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28-02-2022 đến ngày 12-01-2023).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai, quản lý kinh tế trong thời hạn 01 (**một**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**2.9.** Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nhiều Khánh Phước H** 05 (**năm**) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-6-2021 đến ngày 27-01-2022).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trong thời hạn 02 (**hai**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**2.10.** Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Văn Q** 05 (**năm**) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 25-5-2021 đến ngày 27-8-2021).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**2.11.** Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Phan Phước T** 04 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-11-2021 đến ngày 20-5-2022).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 01 (**một**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**2.12.** Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Dương Nhật P 03 (ba)** năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22-6-2021 đến ngày 17-01-2022).

- Cấm bị cáo đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trong thời hạn 02 (**hai**) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**3.** Căn cứ khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Đoàn Văn H.

**4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**5.** Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyễn Văn Q, Trương Văn Q, Trương Văn M và Trương Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Nguyễn Quốc H, Nguyễn Văn H, Dương Nhật P, Phan Phước T, Nguyễn Ngọc Hải Đ, Nhiêu Khánh Phước H, Võ Hữu N và Trương Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THA dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các bị cáo kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Việt Cường**